**Tiết 5,6:ĐỌC VĂN BẢN 2: QUANG TRUNG ĐẠI PHÁ QUÂN THANH**

**Hồi thứ mười bốn**

(Ngô Gia Văn Phái)

# **A. MỤC TIÊU:**

- HS nhận biết được một số yếu tố của truyện sử: cốt truyện, bối cảnh, nhân vật, ngôn ngữ.

- HS nhận biết và phân tích được chủ đề, tư tưởng, thông điệp mà văn bản muốn gửi đến người đọc thông qua hình thức nghệ thuật của văn bản; phân tích được một số căn cứ xác định chủ đề tác phẩm

***-*** Năng lực tự chủ và tự học: Tìm kiếm thông tin, đọc sách giáo khoa, quan sát tranh ảnh để tìm hiểu được nội dung của chủ đề.

- Năng lực giao tiếp và hợp tác: Thảo luận nhóm để thực hiện phiếu học tập, hợp tác giải quyết vấn đề để tìm hiểu được nội dung của chủ đề.

- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: Năng lực trình bày và trao đổi thông tin trước lớp.

- Chăm chỉ, ham học

- Trách nhiệm: Tự hào về truyền thống yêu nước và giữ nước của cha ông ta. Có ý thức tìm hiểu và trau dồi kiến thức về lịch sử của dân tộc.

**B. THIẾT BỊ VÀ HỌC LIỆU:**

- SGK, SGV; một số video, tranh ảnh liên quan đến nội dung bài học.

- Máy tính, ti vi; phiếu học tập

**C. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC:**

# **HOẠT ĐỘNG 1: KHỞI ĐỘNG**

**a. Mục tiêu:** Tạo tâm thế và định hướng chú ý cho học sinh; tạo vấn đề vào chủ đề

**b. Tổ chức hoạt động:**

**Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:** HS chơi trò chơi

# ĐÂY LÀ AI?

Trên màn hình là một bức tượng đài của nhân vật lịch sử mà chúng ta đang nói đến. Tuy nhiên bức tượng đài ấy đã được che đi bởi bốn miếng ghép ở mỗi miếng ghép này đều là các câu hỏi, các thông tin gợi ý cho các em để tìm ra người anh hùng lịch sử được nói đến trong bức ảnh ở phía sau. Trả lời đúng được và tìm thấy được các dẫn chứng từ dữ liệu, trong những tấm thẻ ghép thì chúng ta sẽ được mở lần lượt từng mảnh ghép để chúng ta tìm thấy, nhìn thấy hình ảnh người anh hùng ở phía sau và trò chơi của chúng ta kết thúc khi có người nói đúng được tên người anh hùng lịch sử được nói đến ở trong bức hình này.

**Mảnh ghép 1:** Đây là một trong 14 vị anh hùng dân tộc tiêu biểu của Việt Nam?

(**Gợi ý:** Theo bảng phân loại, xếp hạng của bộ văn hóa thông tin và du lịch thì những vị anh hùng dân tộc được gọi là vị anh hùng dân tộc phải đảm bảo các tiêu chí ví dụ: Đó phải là người lãnh đạo một cuộc khởi nghĩa hoặc là một cuộc kháng chiến để chống ngoại xâm bảo vệ quyền độc lập, tự chủ của dân tộc mình hoặc đó có thể là một vị vua sáng lập ra một vương triều có những công việc to lớn với đất nước đối với nhân dân hay có thể là những nhà quân sự nhà chính trị, nhà văn hóa lỗi lạc, có tài năng lớn và đóng góp to lớn trong lịch sử dân tộc và đất nước thì sẽ được gọi là anh hùng.)

**Mảnh ghép 2:** Là người chấm dứt tình trạng chia cắt giữa Đàng trong và Đàng ngoài kéo dài hơn hai thế kỉ.

(**Gợi ý:** Tình trạng đất nước mình bị chia cắt thành Đàng trong và Đàng ngoài đó là câu chuyện ở thế kỉ 17,18 khi đất nước mình bị chia cắt. Đàng trong là cái vùng đất nước bị thống trị của chúa Nguyễn còn Đàng ngoài là vùng đất thuộc quyền quản lý và cai trị của chúa Trịnh. Vua Lê tuy là người nắm quyền đứng đầu cả thiên hạ nhưng không có thực quyền nên đất nước cứ bị chia cắt và cứ thế kéo dài suốt hơn hai Thế kỷ. Và nhân vật lịch sử của chúng ta chính là người đã thống nhất đất nước, dẹp tan sự chia cách Đàng trong và Đàng ngoài )

**Mảnh ghép 3:** Lãnh đạo thắng lợi hai cuộc kháng chiến chống quân Xiêm và quân Thanh (Gợi ý: Miền Nam chống lại quân Xiêm và miền Bắc chống lại quân Thanh xâm lược, người anh hùng dân tộc nào vừa có công đánh đuổi quân Xiêm, lại đại phá quân Thanh để mang lại nền độc lập tự chủ cho dân tộc mình)

**Mảnh ghép 4:** Người anh hùng áo vải sáng lập ra vương triều Tây Sơn

**Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:**

* + GV quan sát lắng nghe
  + HS quan sách giáo khoa tìm câu trả lời.

**Bước 3: Báo cáo và thảo luận**:

* HS trình bày sản phẩm cá nhân
* GV gọi HS nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.

**Bước 3: Đánh giá nhận xét:** Quang Trung- người anh hùng dân tộc áo vải, cờ đào đã dựng nên nghiệp lớn mang lại nền độc lập tự chủ của dân tộc với những chiến công lừng lẫy trong lịch sử chống ngoại xâm của nhân dân ta. Và ngày hôm nay, chúng ta cũng sẽ cùng tìm hiểu cuộc đời sự nghiệp lừng lẫy của vua Quang Trung thông qua một văn bản rất hào hùng QUANG TRUNG ĐẠI PHÁ QUÂN THANH (TRÍCH HOÀNG LÊ NHẤT THỐNG CHÍ, NGÔ GIA VĂN PHÁI- PHẦN 1**)**

**HOẠT ĐỘNG 2: HÌNH THÀNH KIẾN THỨC**

**I. Đọc, Tìm hiểu chung:**

**a) Mục tiêu**: HS nắm được những thông tin chung về tác giả, tác phẩm

**b) Tổ chức hoạt động:**

**Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập**

**GV hướng dẫn HS đọc văn bản:**

+ Dung lượng văn bản dài, có sự xuất hiện của nhiều nhân vật, nhiều sự việc, nên cần đọc nhiều lần để nắm được các sự việc chính, từ đó đọc lưu loát, trôi chảy hơn.

+ Phân biệt lời kể chuyện với lời đối thoại của các nhân vật, đọc với giọng điệu khác nhau khi nói về các nhân vật khác nhau: **tôn kính, ngưỡng mộ, ngợi ca** khi nói về Quang Trung; ngậm ngùi xót xa khi kể về tình cảnh vua tôi Lê Chiêu Thống, hả hê trước sự thảm bại của quân tướng nhà Thanh

**Đọc theo trình tự:** đọc thầm trước=> đọc thành tiếng=> đọc lưu loát văn bản.

- GV yêu cầu HS đọc thông tin trong SGK, nêu hiểu biết về tác giả, tác phẩm.

- HS tiếp nhận nhiệm vụ.

**Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập**

- HS đọc thông tin và chuẩn bị trình bày.

**Bước 3: Báo cáo và thảo luận**

- GV mời 1 – 2 HS phát biểu, yêu cầu cả lớp nhận xét, góp ý, bổ sung (nếu cần thiết).

**Bước 4: Đánh giá nhận định**

- GV nhận xét, đánh giá, chốt kiến thức.

***1. Tác giả: Ngô Gia Văn Phái***

*Ngô gia văn phái là một nhóm tác giả thuộc dòng họ Ngô Thì ở làng Tả Thanh Oai, Hà Nội ngày nay.*

*Đây là một dòng họ lớn có truyền thống nghiên cứu và sáng tác văn chương với những tên tuổi tiêu biểu như: Ngô Thì Ức (1709 – 1736), Ngô Thì Sĩ (1726 – 1780), Ngô Thì Nhậm (1746 – 1803), Ngô Thì Chí (1753 – 1788), Ngô Thì Du (1772 – 1840), Ngô Thì Hương (1774 – 1821),...*

***2. Tác phẩm***

*a. Xuất xứ*

*- Hoàng Lê Nhất thống chí là cuốn tiểu thuyết lịch sử, viết bằng chữ Hán theo lối chương hồi, gồm 17 hồi. Dựa vào việc ghi chép những sự kiện lịch sử - xã hội có thực, nhân vật có thực, địa điểm thực, tác phẩm đã phản ánh những biến động của lịch sử nước nhà từ cuối thế kỉ XVIII đến những năm đầu thế kì XIX, trong đó tập trung phơi bày sự thối nát dẫn đến sụp đổ tất yếu của tập đoàn phong kiến Lê – Trịnh, đồng thời ca ngợi cuộc khởi nghĩa Tây Sơn do người anh hùng áo vải Nguyễn Huệ lãnh đạo.*

*- Văn bản học nằm trong hồi thứ 14 về sự kiện vua Quang Trung đại phá quân Thanh*

*b. Thể loại: Tiểu thuyết chương hồi*

*c. Phương thức biểu đạt chính: tự sự*

*d. Bố cục*

*- Gồm 3 phần :*

*+ Phần 1: (Từ đầu ⇒ năm Mậu Thân)*

*⇒ Được tin quân Thanh chiếm Thăng Long, Nguyễn Huệ lên ngôi hoàng đế và cầm quân dẹp loạn.*

*+ Phần 2: (Tiếp theo ⇒ vào thành)*

*⇒ Cuộc hành quân thần tốc và chiến thắng lẫy lừng của vua Quang Trung.*

*+ Phần 3: (còn lại ) → Hình ảnh thảm bại của bọn xâm lược và bọn tay sai bán nước.*

**II. Khám phá văn bản:**

**a. Mục tiêu:** Nắm được bối cảnh và sự kiện lịch sử; phân tích được nội dung, ý nghĩa của việc Nguyễn Huệ lên ngôi vua và cuộc hành quân thần tốc.

**b. Tổ chức thực hiện:**

**Nhiệm vụ 1:**

**Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập**

- GV yêu cầu học sinh thảo luận nhóm đôi và hoàn thành phiếu học tập:

|  |  |
| --- | --- |
| Câu hỏi | Dự kiến sản phẩm |
| **Câu 1:** Em hãy cho biết câu chuyện được kể trong văn bản diễn ra trên **bối cảnh sự kiện lịch sử** nào của dân tộc ta? |  |
| **Câu 2:** Hãy chỉ ra buổi cảnh không gian và thời gian được tái hiện trong văn bản. Em có nhận xét gì về bức ảnh này? |  |
| **Câu 3:** Hãy thuật lại các sự kiện chính tả nên cô chuyển cho văn bản theo **các mốc thời gian** em nhận xét gì về **cốt truyện** của văn bản này? |  |

- HS tiếp nhận nhiệm vụ.

**Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập**

- Các nhóm thảo luận, điền vào phiếu học tập.

**Bước 3: Báo cáo và thảo luận**

- GV mời đại diện các nhóm dán phiếu học tập lên bảng.

**Bước 4: Đánh giá nhận xét**

- GV nhận xét, đánh giá, chốt kiến thức Ghi lên bảng.

***Câu 1: Bối cảnh lịch sử***

*Cuối năm mậu thân( 1788), sau khi nhận được thư cầu viện của vua Lê Chiêu Thống, hơn 20 vạn quân thanh do Tôn Sĩ Nghị, thống đốc Lưỡng Quảng cầm đầu kéo sang nước ta với chiêu bài diệt Tây Sơn, dựng lại nhà Lê. Tôn Sĩ Nghị chia quân làm ba đạo, thế giặc mạnh như nước vỡ bờ!*

*Nghe tin cấp báo về tình hình quân Thanh, Bắc Bình Vương Nguyễn Huệ đã làm lễ tế cáo trời đất, lên ngôi hoàng đế, tự mình đốc thúc đại binh tiến quân ra Bắc, đuổi đánh quân Thanh.*

***Bối cảnh trong văn bản***

* ***Thời gian:*** *kéo dài* ***từ ngày 20/11/1788 và kết thúc vào ngày 6/1/1788*** *gắn liền với các sự kiện trong chiến dịch Quang Trung đại phá quân Thanh.*
* ***Không gian****: trải rộng các địa điểm gắn liền với cuộc hành binh thần tốc của Quang Trung**từ thành Phú Xuân ra giải phóng thành Thăng Long*

***Nhận xét:***

*+* ***Thời gian dài và không gian rộng*** *cho phép tác giả tái hiện* ***quy mô to lớn*** *cùng ý nghĩa trọng đại của sự kiện Quang Trung đại phá quân Thanh.*

*+ Góp phần thể hiện* ***không khí căng thẳng, khẩn trương*** *trước và trong chiến dịch giải phóng Thăng Long.*

*+ Tái hiện một bức tranh rộng lớn với* ***sự xuất hiện của nhiều nhân vật lịch sử****, trong đó chân dung nhân vật được khắc họa rõ nét, ấn tượng.*

***Câu 2: Diễn biến sự việc:***

***Cuối 1788:*** *Lê Chiêu Thống cầu viện nhà Thanh. Tôn Sĩ Nghị thống lĩnh 20 vạn quân sang xâm lược nước ta, chiếm đóng Thăng Long.*

***20/11/1788:*** *Ngô Văn Sở lui quân về Tam Điệp, cho Nguyễn Văn Tuyết chạy về Phú Xuân cấp báo của Nguyễn Huệ*

***25/12/1788:*** *Nguyễn Huệ lên ngôi vua, lấy hiệu là Quang Trung, tự mình đốc suất đại binh ra Thăng Long đánh giặc.*

***20/12/1788:*** *Quang Trung tổ chức cuộc duyệt binh lớn ở Nghệ An. Tại đây, nhà vua có bài nói phủ dụ quân sĩ.*

***30/12/1788:*** *Quang Trung hội quân cùng với các tướng ở Tam Điệp. Cho toàn quân ăn tết sớm, hẹn mùng 7 vào giải phóng Thăng Long.*

***3/1/1789:*** *Quân Tây Sơn bao vây, công hạ đồn Hà Hồi* ***5/1/1788:*** *Quân Tây Sơn tiêu diệt đồn Ngọc hồi, mở toang cánh cửa vào giải phóng Thăng Long*

***25/12/1788:*** *Quân Thanh đại bại, tôn Sĩ Nghị hoảng sợ bỏ chạy. Lê Chiêu Thống thảm hại chạy theo quân xâm lược.* ***Nhận xét cốt truyện:***

*+ Các sự kiện được tái hiện trong văn bản đều là* ***các sự kiện lịch sử diễn ra vào cuối năm 1788, đầu năm 1789.*** *Mỗi sự kiện đều có các thông tin cụ thể, chính xác: thời gian, địa điểm, nhân vật tham gia, diễn biến...*

*+ Các sự việc được* ***kể theo trình tự thời gian trước- sau****, đồng thời cũng thể hiện được mối* ***quan hệ nhân- quả*** *giữa các sự việc. Điều này khiến nội dung truyện trở nên rõ ràng, mạch lạc, dễ theo dõi dù câu chuyện diễn ra trên không gian rộng lớn, trong một thời gian dài và có rất nhiều nhân vật tham gia.*

*+ Ở mỗi sự việc, tác giả đã viết* ***chọn những thông tin, chi tiết sinh động, tiêu biểu****, cốt lõi để lời kể ngắn gọn,*

*người đọc chú tâm vào mạch truyện mà không bị sa đà.*

**Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ học tập:**

- GV phát phiếu học tập, hướng dẫn HS tìm hiểu thông tin.

**PHIẾU HỌC TẬP SỐ 2:** Em hãy tìm và sắp xếp các nhân vật xuất hiện trong văn bản vào bảng dưới đây. Em có nhận xét gì về hệ thống có nhân vật được xây dựng trong văn bản?

Những nhân vật yêu nước, Những kẻ bán nước và đánh giặc quân cướp nước

**Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:**

* + Học sinh đọc ngữ liệu văn bản.
  + HS hoạt động cá nhân, cặp đôi, nhóm, thảo luận, thống nhất kết quả ghi vào phiếu bài tập.
  + GV quan sát, hỗ trợ HS.
* **Bước 3: Báo cáo thảo luận:**
  + HS trình bày kết quả (cá nhân/đại diện nhóm).
* **Bước 1: Đánh giá nhận xét:**
  + HS khác theo dõi, đánh giá, nhận xét, bổ sung.

- GV quan sát, hỗ trợ, tư vấn; nhận xét, đánh giá kết quả làm việc của HS, chốt kiến thức, chuyển giao nhiệm vụ mới.

**Dự kiến sản phẩm:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Những nhân vật yêu**  **nước, đánh giặc** | **Những kẻ bán nức và quân quân cướp nước** |
| Quang Trung, Ngô Thì Nhậm, Ngô Văn Sở. Phan Văn Lân, Đặng Văn Tuyết, Hám Hổ Hầu, Nguyễn Thiếp | Lê Chiêu Thống, , Lê Quýnh, Trịnh Hiến, Tôn Sĩ Nghị, Sầm Nghi Đống |

Đây đều là các **nhân vật có thật trong lịch sử**, các nhân vật này được tái hiện trong tác phẩm một cách chân thực với tên gọi, chức vụ, lời nói, hành động, kết cục...

+ Dù đoạn trích có **số lượng nhân vật đông đảo**, nhưng mỗi nhân vật (kể cả các nhân vật phụ) đều được **xuất hiện với những chi tiết, hành động tiêu biểu, ấn tượng,** đủ để thể hiện con người, tính cách, số phận riêng của các nhân vật.

+ Tác giả thể hiện **thái độ khách quan, công tâm** nhưng cũng **bộc lộ rõ ý khen chê** khi xây dựng các nhân vật.

**Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ học tập:**

- GV phát phiếu học tập, hướng dẫn HS tìm hiểu thông tin.

P**HIẾU HỌC TẬP SỐ 3: Tìm hiểu Nhân vật vua Quang Trung**

**Câu 1:** Trong văn bản, vua Quang Trung được khắc họa với hai tư cách: **một vị vua đứng đầu cả nước và một vị tướng thống lĩnh quân đội**. Em hãy cho biết trong hai tư cách này, những phẩm chất nào của con Quang Trung được thể hiện? (Gợi ý: chỉ ra những chi tiết **miêu tả thái độ, lời nói và hành động** của Quang Trung trong hoàn cảnh với các vị thế khác nhau).

**Câu 2:** Qua việc tìm hiểu những đặc điểm, tính cách của nhân vật Quang Trung hãy nêu **cảm nhận của em về nhân vật?**

* **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:**
  + Học sinh đọc ngữ liệu văn bản.
  + HS hoạt động cá nhân, cặp đôi, nhóm, thảo luận, thống nhất kết quả ghi vào phiếu bài tập.
  + GV quan sát, hỗ trợ HS.
* **Bước 3: Báo cáo, thảo luận:**

**Bước 4: Đánh giá nhận xét:**

- HS khác theo dõi, đánh giá, nhận xét, bổ sung.

- GV quan sát, hỗ trợ, tư vấn; nhận xét, đánh giá kết quả làm việc của HS, chốt kiến thức, chuyển giao nhiệm vụ mới.

**Dự kiến sản phẩm: Câu 1:**

*a)* ***Nhân vật Quang Trung trong tư cách một vị vua*** *- Khi nghe tin giặt chiếm thành Thăng Long: “Bắc Bình Vương tiếp được tin báo, giận lắm, liền họp các tướng sĩ,*

*, định thân chinh cầm quân đi ngay”.*

*- Trong lời phủ dụ tướng sĩ ở Nghệ An:*

*+ Khẳng định quyền độc lập tự chủ của dân tộc.*

*+ Tố cáo hành động xâm lược của kẻ thù.*

*+ Kêu gọi toàn dân đồng sức, đồng lòng đánh đuổi kẻ thù.*

*– Ngỏ lòng với các tướng sĩ: chỉ lo chiến tranh kéo dài, “không phải là phúc cho dân, nỡ nào mà làm như vậy*”.

***=> Quang Trung là vị vua có tấm lòng yêu nước, thương dân.***

* *Mục đích lên ngôi vua: “để yên kẻ phản trắc và giữ lấy lòng người”( danh bất chính- ngôn bất thuận- sự bất thành).*

*Biết địch- biết ta:*

*+ Hiểu rõ thế mạnh- yếu của kẻ thù. Thấu hiểu lòng dân trong nước.*

*+ Lần này ta ra, thân hành cầm quân, phương lược tiến đánh đã có tính sẵn”=> Chuẩn bị sẵn sàng phương lược kế sách đánh giặc.*

*+ “Mươi ngày có thể đuổi được người Thanh... Đến tối 30 tết lập tức lên đường hẹn đến 7/5 tới thì vào thành Thăng Long mở tiệc ăn mừng”.=> Chưa giao chiến đã tự tin sẽ đánh nhanh, thắng nhanh.*

* *“Chúng là nước lớn gấp 10 nước mình, sau khi bị thua một trận, ắt lấy làm thẹn mà lo mưu báo thù... Đến lúc ấy, chỉ có người khéo lời lẽ mới dẹp nổi việc binh đao... Chờ 10 năm nữa, cho ta được yên ổn mà nuôi dưỡng lực lượng, bấy giờ nước giầu quân mạnh, thì ta có sợ gì chúng?”.*

*+ Không chỉ đánh giặc trên mặt trận quân sự, còn tính chuyện bang giao hai nước sau chiến tranh.*

*+ Không chỉ chiến thắng trong 10 ngày còn tính chuyện*

*10 năm sau.*

***=> Quang Trung - vị vua có trí tuệ sáng suốt tầm nhìn xa rộng.***

* *Lắng nghe ý kiến quần thần:*

*+ Nóng lòng xuất binh nhưng nghe ý kiến quần thần, lên ngôi trước.*

*+ Hành quân thần tốc vẫn dành thời gian hỏi ý kiến người ca sĩ(Nguyễn Thiếp) trước khi xuất chiến.*

***=> Quyết đoán mà không độc đoán.***

* *Biết rõ ưu- nhược điểm của các tướng sĩ:*

*+ Song ta nghĩ các ngưoi đều là hạng võ dũng, chỉ biết gặp giặc là đánh, đến như việc tùy cơ ứng biến thì không có tài.=> Sở, Lân là hạng tướng võ dũng, không giỏi trí mưu nhưng rất trung thành.*

*+ Các người đã biết nín nhịn để tránh mũi nhọn của chúng, chia ra chặn giữ các nơi hiểm yếu, bên trong thì kích thích lòng quân, bên ngoài thì làm cho giặc kiêu căng, kế ấy là rất đúng. Khi mới nghe nói, ta đã đoán là do Ngô Thì Nhậm chủ mưu.=> Ngô Thì Nhậm là kẻ tiêu mưu trí, khôn khéo có tài ăn nói.*

*-> Để các tướng cạnh nhau, bổ sung cho ưu điểm khuyết điểm của nhau.*

*-> Cho Ngô Thì Nhậm giao thiệp với nhà Thanh để dẹp việc binh đao thời hậu chiến****.***

***- Thưởng phạt công bằng***

*Giặt đến không đánh nổi một trận, mới nghe tiếng đã chạy trước. Binh pháp dạy rằng: “Quân thua chém tướng”. Tội của các ngươi đều đáng chết một vạn lần. Các ngươi đã biết nín nhịn để tránh mũi nhọn của chúng, chia ra chặn giữ các nơi hiểm yếu, bên trong thì kích thích lòng quân, bên ngoài thì làm cho giặc kiêu căng, kế ấy là rất đúng.*

***=>*** *Khiển trách các tướng không giữ được Thăng Long. Nhưng cho cơ hội “lập công chuộc tội”.*

***“****Các ngươi đều là những kẻ có lương tri, lương năng, hãy nên cùng ta đồng tâm hiệp lực, để dựng nên công lớn. Chớ có quen theo thói cũ, ăn ở hai lòng, nếu như việc phát giác ra sẽ bị giết chết ngay tức khắc,k không tha một ai”.*

***=> Động viên, khích lệ quân sĩ giết giặc lập công nhưng cũng khiển trách, cảnh báo kẻ phản bội.***

***=> Quang Trung là vị vua có tài dùng người***



*-* ***Quang Trung là vị vua yêu nước anh minh.***

*+ Quang Trung là vị vua có tấm lòng yêu nước thương dân.*

*+ Quang Trung là vị vua có trí tuệ sáng suốt và tầm nhìn xa, trông rộng.*

*+ Quang Trung là vị vua có tài dùng người và xét đoán bề tôi.*

*+ Quang Trung là vị vua có hành động mạnh mẽ, quyết đoán.*

***b) Nhân vật Quang Trung trong tư cách một vị tướng***

***-Phân tích tình hình, hiểu rõ địch- ta***

*+ Giặc người đông, thế mạnh nhưng từ xa đến không hiểu rõ tình hình trong nước ta; lại đóng giữ ở Thăng Long bốn mặt không có gì che chắn; tướng sĩ kiêu căng, lơ là, chủ quan khinh địch.*

*+ Ta quân ít mà tinh nhuệ, thạo chiến trận, lại có lòng yêu nước nồng nàn.*

* ***Chỉ huy cuộc hành quân thần tốc***

*+ Chưa đầy một tuần đã từ Phú Xuân ra Tam Điệp vừa đi vừa tuyển quân, duyệt binh đội hình bài bản chỉnh tề.*

*+ Hành quân bí mật thần tốc kết hợp với những cuộc tập kích bất ngờ khiến kẻ thù không kịp trở tay: “tướng ở trên trời xuống, quân chui dưới đất lên.”*

* ***Vị tướng linh hoạt, sáng tạo trong việc sử dụng chiến thuật***

*+ Bắt giết toàn bộ quân do thám để giữ bí mật tuyệt đối của cuộc hành binh.*

*+ Hư trương thanh thế để hạ đồn Ngọc Hồi.*

*+ Sáng tạo, dũng mãnh khi công đồn Ngọc Hồi.*

*+ Cho quân truy quét gắt gao đám tàn binh đuổi giặc về*

*phương Bắc.*

* ***Vừa là người chỉ huy cao nhất, vừa là tướng tiên phong***

***+ “****liền thúc quân đuổi theo”*

*+ “tới làng Hà Hồi”*

*+ “lại truyền”*

*+ “ liền gấp rút sai”*

*+ “tiến binh đến Thăng Long rồi vào thành”*

* ***Hình ảnh Quang Trung giữa chiến trường***

*+ Khung cảnh chiến trận với hình ảnh khói tỏa mù trời, đạn pháp ầm vang.*

*+ Quang Trung cưỡi voi đốc thúc binh sĩ chiến đấu hào hùng, oai phong, lẫm liệt.*

***? Cảm nhận về nhân vật Quang Trung***

*Quang Trung là linh hồn của cuộc kháng chiến, là vị anh hùng dân tộc, kết tinh sức mạnh, trí tuệ lòng yêu nước và ý chí, khát vọng của toàn dân tộc.* ***Đó là vị vua anh minh cũng là vị tướng có tài thao lược.***

*Đặt trong thế so sánh với ông vua bán nước Lê Chiêu Thống và viên tướng bại trận tôn Sĩ Nghị,* ***hình ảnh Quang Trung càng nổi bật, đẹp đẽ phi thường***

**Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ học tập:**

- GV phát phiếu học tập, hướng dẫn HS tìm hiểu thong tin.

P**HIẾU HỌC TẬP SỐ 5: Tìm hiểu nhân vật vua Lê Chiêu Thống và quân lính nhà Thanh.**

**Câu 1:** Nhân vật vua Lê Chiêu Thống được khắc họa qua những chi tiết tiêu biểu nào? Quân lính nhà Thanh được miêu tả ra sao trong phần cuối văn bản?

Hãy chỉ ra sự tương phản đối lập trong việc xây dựng các nhân vật Quang Trung, vua Lê Chiêu Thống, quân sĩ Tây Sơn, quân lính nhà Thanh?

**Câu 2:** Nhận xét về tình cảm, thái độ của các tác giả Ngô gia trong việc xây dựng các nhân vật ở hai tuyến đối lập trong văn bản?

**Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:**

* Học sinh đọc ngữ liệu văn bản.
* HS hoạt động cá nhân, cặp đôi, nhóm, thảo luận, thống nhất kết quả ghi vào phiếu bài tập.
* GV quan sát, hỗ trợ HS.
* **Bước 3: Báo cáo thảo luận:**

- HS trình bày kết quả (cá nhân/đại diện nhóm).

* **Bước 4: Đánh giá nhận xét:**
* HS khác theo dõi, đánh giá, nhận xét, bổ sung.

GV quan sát, hỗ trợ, tư vấn; nhận xét, đánh giá kết quả làm việc của HS, chốt kiến thức, chuyển giao nhiệm vụ mới.

**Dự kiến sản phẩm:**

**Câu 1: *Những hành động của nhân vật vua Lê Chiêu Thống.***

* *Để giữ ngai vàng, sẵn sàng rước kẻ thù về nước. Nhất nhất nghe lệnh Tôn Sĩ Nghị.*
* *Khi thất bại hoảng hốt chạy theo quân giặc:*

*+ Cứớp thuyền người đánh cá để sang sông*

*+ Chạy trốn mấy ngày không ăn, không nghỉ, ai nấy mệt lử.*

*+ Nghe tin Tây Sơn đuổi đến, cuống quýt lo sợ tìm đường lẩn tránh. Đến doanh tôn Sĩ Nghị, vua tôi nhìn nhau than thở, oán giận chảy nước mắt.*

***=> Vị vua bán nước, hại dân, hèn nhát, bạc nhược, thảm hại. Hoàn toàn trái ngược với hình ảnh của Vua Quang Trung***

***- Hình ảnh quân lính nhà Thanh***

***+ Tướng***

*++ Sầm Nghi Đống thắt cổ tự tử*

*++ Tôn Sĩ Nghị sợ mất mật, ngựa chưa kịp đóng yên, người chưa kịp mặc giáp chuồn qua cầu phao chạy về nước*

*Quân:*

*++ Tan tác bỏ chạy, xô đẩy nhau rơi xuống sông chết rất nhiều*

*+ + Đông nghịt như chợ, đêm ngày đi gấp, không dám nghỉ ngơi.*

*=> Hình ảnh đám tàn binh thảm hại. Hoàn toàn trái ngược với hình ảnh chủ tướng Nguyễn Huệ và quân tướng nhà Tây Sơn.*

***Nghệ thuật đối lập trong việc xây dựng nhân vật Quang Trung:***

***+*** *Có tấm lòng yêu nước thương dân.*

*+ Có trí tuệ sáng suốt, tầm nhìn xa rộng.*

*+ Có tài nhìn người, dùng người.*

*+ Có hành động mạnh mẽ, quyết đoán.*

***Lê Chiêu Thống***

*+ Bán nước, hại dân.*

*+ Tầm nhìn cạnh hẹp, chỉ lo giữ ngai vàng.*

*+ Tin dùng đám nịnh thần, bất tài vô dụng.*

*+ Hèn nhát, bạc nhược, thụ động*

***Nghệ thuật đối lập trong việc xây dựng nhân vật Quân sĩ Tây Sơn***

*+ Biết địch biết ta*

*+ Hành quân thần tốc, linh hoạt trong từng trận đánh*

*+ Anh dũng quả cảm trực tiếp xung trận*

*+ Quân Tây Sơn anh dũng, thiện chiến, tinh thần kỷ luật cao*

***Quân Thanh***

*+ Chủ quan khinh địch, kiêu ngạo*

*+ Bị động chống trả*

*+ Hèn nhát, bỏ chạy*

*+ Quân Thanh hèn nhát, ô hợp thiếu ý chí chiến đấu*

*=> Nghệ thuật đối lập góp phần làm rõ chân dung các nhân vật: Quang Trung vừa là vị vua anh minh, sáng suốt vừa là vị tướng có tài thao lược còn Lê Chiêu Thống là tên vua bán nước, bạc nhược; Tôn Sĩ Nghị là kẻ hèn nhát thảm hại.*

*=> Các tác giả cũng thể hiện thái độ, tình cảm đối với mỗi nhân vật.*

**Câu 2:** *Tình cảm, thái độ của các tác giả Ngô gia:*

***Với Quang Trung:***

*+ Ca ngợi tài năng, công đức với dân, với nước*

*+ Thể hiện sự khâm phục, ngưỡng mộ*

***Với Lê Chiêu Thống***

*+ Không đồng tình với hành động bán nước*

*+ Có chút ngậm ngùi, xót xa trước tình cảnh thê thảm của ông vua mất nước.*

***Với Tôn Sĩ Nghị:***

*+ Căm ghét kẻ xâm lược*

*+ Hả hê, sung sướng khi miêu tả tình cảnh thảm bại của quân tướng nhà Thanh*

***Lí giải thái độ của các tác giả Ngô Gia: Khách quan:***

*+ Tài năng, công đức của Quang Trung với dân với nước là không thể phủ nhận.*

*+ Hành động ích kỉ, bán nước hại dân của Lê Chiêu Thống không gì biện hộ được.*

***Chủ quan:***

*+ Các tác giả giữ được ngòi bút khách quan của người chép sử khi tái hiện sự việc, đánh giá nhân vật.*

*+ Đặt quyền lợi của dân tộc lên trên hết, khen- chê, công*

*-tội đều xếp theo lợi ích của dân tộc.*

*+ Nhiều đời chịu ơn sâu nhà Lê, nên có phần xót xa,*

*ngậm ngùi trước hình ảnh của vương triều lúc suy tàn.*

**Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**

? Nhận xét chung về ngôn ngữ trong văn bản

? Qua đó giúp em hiểu gì về nội dung của văn bản.

**Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**

HS trao đổi thảo luận, trả lời câu hỏi

**Bước 3: Báo cáo, thảo luận.**

HS trình bày kết quả

**Bước 4: Nhận xét, đánh giá**

***1. Nghệ thuật***

*– Dựa trên các tình tiết có thật, tác giả đã lựa chọn trình tự kể trình tự diễn ra các sự kiện, giúp người đọc theo dõi dòng lịch sử dễ dàng hơn*

*+* ***Lời kể ngắn gọn mạch lạc,*** *giúp người đọc dễ dàng hình dung và theo dõi được mạch diễn biến của sự việc*

*+ Có sự kết hợp giữa* ***tự sự và miêu tả*** *nhằm thể hiện một cách sống động những sự việc, đồng thời khắc họa chân thực chân dung các nhân vật lịch sử.*

*+ Việc* ***sử dụng các từ cổ, từ Hán Việt đặc biệt là các từ thuộc lĩnh vực quân sự*** *góp phần tái hiện không khí sống động không khí chiến trận của một chiến thắng lịch sử lẫy lừng..*

***2. Nội dung***

*- “Hoàng Lê nhất thống chí” thuộc hồi mười bốn với tên “Đánh Ngọc Hồi, quán Thanh bị thua trận, bỏ Thăng Long, Chiêu Thống trốn ra ngoài” đã gợi lên khung cảnh lịch sử đầy sinh động về người anh hùng áo vải Quang Trung – Nguyễn Huệ. Tác phẩm vừa làm nổi bật những phẩm chất tốt đẹp của một vị vua văn võ toàn tài, vừa nói lên tình cảnh thất bại ê chề, nhục nhã của bọn vua quan bán nước Lê Chiêu Thống cùng quân xâm lược nhà Thanh*

**HOẠT ĐỘNG 3: LUYỆN TẬP**

a. Mục tiêu: Học sinh vận dụng kiến thức đã học vào làm bài tập.

b. Tổ chức thực hiện:

**Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:**

* Sử dụng phần mềm PowerPoint, ralo
* Kĩ thuật/ Phương pháp: viết tích cực

- GV chuyển giao nhiệm vụ: Viết đoạn văn (khoảng 7-9 câu) nêu cảm nhận về chi tiết trong văn bảnQuang Trung đại phá quân Thanh để lại cho em ấn tượng sâu sắc nhất.

**Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ:**

* Học sinh trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**:**
  + GV quan sát, lắng nghe.
  + HS quan sát sách giáo khoa tìm câu trả lời.
* **Bước 1: Báo cáo và thảo luận:**

- HS trình bày sản phẩm cá nhân

**Gợi ý:**

**Kiểu bài:** phân tích một chi tiết trong tác phẩm văn học.

**Chủ đề đoạn văn:** chi tiết trong văn bản Quang Trung đại phá quân Thanh để lại cho em ấn tượng sâu sắc nhất.

**Dung lượng:** 7-9 câu

**Lựa chọn chi tiết trong văn bản, tham khảo các chi tiết sau:**

+ Chi tiết vua Quang Trung nói lời phủ dụ quân sĩ ở Nghệ An.

+ Chi tiết Quang Trung nói chuyện với các tướng Sở, Lân và Ngô thì Nhậm tại Tam Điệp.

+ Chi tiết Quang Trung cưỡi voi tiến đánh đồn Ngọc Hồi.

+ Chi tiết vua tôi Lê Chiêu Thống bỏ chạy khỏi Thăng Long.

+ Chi tiết quân lính Thanh tan tác tháo chạy.

**Gợi ý:** đoạn văn có thể gồm các ý như sau:

+ Hoàn cảnh xảy ra chi tiết đó

+ Hành động, lời nói của nhân vật trong chi tiết

+ Ý nghĩa của chi tiết đó trong việc khắc họa chân dung nhân vật hoặc thể hiện chủ đề của tác phẩm

**Bước 4: Nhận xét, đánh giá**

**HOẠT ĐỘNG 4: VẬN DỤNG**

**a. Mục tiêu:** HS thực hiện bài tập

**b. Tổ chức thực hiện**:

**Bước 1: Giao nhiệm vụ học tập:** Tại sao hoàng đế Quang Trung được coi là một thiên tài quân sự?

**Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:** HS suy nghĩ, hình thành và triển khai ý tưởng, tư duy độc lập…

**Bước 3: Báo cáo thảo luận:** GV gọi bất kì cá nhân nào trình bày kết quả.

**Bước 4: Kết luận, đánh giá**.

Thiên tài quân sự Quang Trung:

+ Kết hợp tài tình quân sự với chính trị

+ Đánh vào mục tiêu chiến lược trọng yếu nhất

+ trong các hoạt động quân sự phải luôn hành động bất ngờ.

+ Không biết chọn thời gian và không gian thuận nhất lợi nhất để đánh địch.

+ Làm cho địch chủ quan, kêu ngạo và tuyệt đối giữ bí mật kế hoạch tấn công.

+ Không coi thường địch.

+ Biết đem tư tưởng yêu nước và tinh thần bất khuất giáo dục chắc binh sĩ.

+ Có phương pháp phân tán và tập trung quân đội nhanh chóng, hiệu quả.

+ Tập hợp được nhiều tướng lĩnh có tài, quan tâm đến đời sống của binh sĩ.

+ Luôn chú ý đến công tác tình báo

**\* Phụ lục:**

Rubic đánh giá hoạt động thảo luận nhóm

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **TIÊU CHÍ** | **CẦN CỐ GẮNG**  **(0 – 4 điểm)** | **TỐT**  **(5 – 7 điểm)** | **XUẤT SẮC**  **(8 – 10 điểm)** |
| **Hình thức**  **(2 điểm)** | **0 điểm**  Bài làm còn sơ sài, trình bày cẩu thả  Sai lỗi chính tả | **1 điểm**  Bài làm tương đối đẩy đủ, chỉn chu  Trình bày cẩn thận  Không có lỗi chính tả | **2 điểm**  Bài làm tương đối đẩy đủ, chỉn chu  Trình bày cẩn thận  Không có lỗi chính tả  Có sự sáng tạo |
| **Nội dung**  **(6 điểm)** | **1 - 3 điểm**  Chưa trả lơi đúng câu hỏi trọng tâm  Không trả lời đủ hết các câu hỏi gợi dẫn  Nội dung sơ sài mới dừng lại ở mức độ biết và nhận diện | **4 – 5 điểm**  Trả lời tương đối đầy đủ các câu hỏi gợi dẫn  Trả lời đúng trọng tâm  Có ít nhất 1 – 2 ý mở rộng nâng cao | **6 điểm**  Trả lời tương đối đầy đủ các câu hỏi gợi dẫn  Trả lời đúng trọng tâm  Có nhiều hơn 2 ý mở rộng nâng cao  Có sự sáng tạo |
| **Hiệu quả nhóm**  **(2 điểm)** | **0 điểm**  Các thành viên chưa gắn kết chặt chẽ  Vẫn còn trên 2 thành viên không tham gia hoạt động | **1 điểm**  Hoạt động tương đối gắn kết, có tranh luận nhưng vẫn đi đến thông nhát  Vẫn còn 1 thành viên không tham gia hoạt động | **2 điểm**  Hoạt động gắn kết  Có sự đồng thuận và nhiều ý tưởng khác biệt, sáng tạo  Toàn bộ thành viên đều tham gia hoạt động |
| **Điểm** |  |  |  |
| **TỔNG** |  | | |

***Ngày soạn: 11/9/2023***

**Tiết 7: THỰC HÀNH TIẾNG VIỆT: TỪ NGỮ ĐỊA PHƯƠNG**

**A. MỤC TIÊU:**

- HS nhận biết được ngôn ngữ của các vùng miền khi đọc hiểu văn bản hoặc trong giao tiếp hằng ngày.

- HS hiểu được ý nghĩa và phạm vi sử dụng của ngôn ngữ vùng miền trong giao tiếp cũng như tạo lập văn bản.

***-*** Năng lực tự chủ và tự học: Tìm kiếm thông tin, đọc sách giáo khoa, quan sát tranh ảnh để tìm hiểu được nội dung của chủ đề.

- Năng lực giao tiếp và hợp tác: Thảo luận nhóm để thực hiện phiếu học tập, hợp tác giải quyết vấn đề để tìm hiểu được nội dung của chủ đề.

- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: Năng lực trình bày và trao đổi thông tin trước lớp.

- Chăm chỉ, ham học

- Trách nhiệm: Tôn trọng sự khác biệt về ngôn ngữ giữa các vùng miền.

**B. THIẾT BỊ VÀ HỌC LIỆU:**

- Học liệu: Ngữ liệu/Sách giáo khoa, phiếu học tập.

- Thiết bị: Máy tính, máy chiếu.

**C. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC:**

**HOẠT ĐỘNG 1: KHỞI ĐỘNG**

**a) Mục tiêu**: Tạo tâm thế và định hướng chú ý cho học sinh; tạo vấn đề vào chủ đề

**b) Tổ chức hoạt động:**

**Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:** Tìm các từ địa phương có trong đoạn trích dưới đây, cho biết đó là từ địa phương thuộc miền nào?

Người nhà quê hồi mình con nít toàn người nghèo. Sân nhà quê hồi ấy cũng rặt sân đất, nên nhà nào cũng cặm cái giàn trước nhà, suốt sáu tháng mưa, sân chìm trong nước cũng có, chỗ mà đem phơi củi, hay gối, chiếu.... Chuối phơi đủ nắng có thể ăn tới ra giêng, mật lặn vào trong vừa ăn vừa tợp miếng trà, hoặc ngào qua với khóm, me ....đem dầm nước đá uống cũng ngon thấu trời. (Nguyễn Ngọc Tư- Mùa phơi sân trước)

**Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ học tập:** HS liệt kê

**Bước 3: Báo cáo thảo luận:** HS báo cáo

**Bước 4: Đánh giá nhận xét:** Thông qua phần khởi động chúng mình đã cùng nhau nhắc nhớ kiến thức từ địa phương với một đoạn văn tản văn của tác giả Nguyễn Ngọc Tư . Hôm nay chúng ta sẽ cùng nhắc nhớ nhau kiến thức về từ địa phương vàluyện tập thêm để thành thạo về việc xác định cũng như tìm hiểu tác dụng của từng địa phương.

**HOẠT ĐỘNG 2: HÌNH THÀNH KIẾN THỨC MỚI**

**a) Mục tiêu**: HS nhận biết và xác định đặc điểm của biệt ngữ xã hội

**b) Tổ chức hoạt động:**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ học tập:**  **PHIẾU HỌC TẬP SỐ 1: Hoàn thành bảng thông tin về từ ngữ địa phương**   |  |  | | --- | --- | | **Yếu tố** | **Từ ngữ địa phương** | | **Khái niệm** |  | | **Nguồn gốc** |  | | **Đặc điểm** |  | | **Phạm vi sử dụng** |  | | **Ý nghĩa** |  |   **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:**  - Học sinh đọc ngữ liệu.  - HS hoạt động cá nhân, cặp đôi, nhóm, thảo luận, thống nhất kết quả ghi vào phiếu bài tập.  - GV quan sát, hỗ trợ HS.  **Bước 3: Báo cáo thảo luận:**  - HS trình bày kết quả (cá nhân/đại diện nhóm).  **Bước 4: Đánh giá nhận xét:**  - HS khác theo dõi, đánh giá, nhận xét, bổ sung.  - GV quan sát, hỗ trợ, tư vấn; nhận xét, đánh giá kết quả làm việc của HS, chốt kiến thức, chuyển giao nhiệm vụ mới.   |  |  | | --- | --- | | **Yếu tố** | **Từ ngữ địa phương** | | **Khái niệm** | Từ ngữ địa phương ( phương ngữ) là các từ ngữ chỉ dùng ở một số vùng miền, địa phương nhất định. | | **Nguồn gốc** | Do sự khác biệt giữa các địa phương về đặc điểm tự nhiên, đặc điểm tâm lý và phong tục tập quán của cư dân địa phương. | | **Đặc điểm** | Về ngữ âm: các từ được phát âm theo cách riêng của người dân mỗi địa phương, không giống cách phát âm của từ toàn dân  Về từ vựng: có các từ ngữ tương đương với từ toàn dân nhưng hình thức ngữ âm khác biệt hoặc có các từ ngữ mà trong kho từ toàn dân không có. | | **Phạm vi sử dụng** | - Chỉ sử dụng ở một vùng miền, địa phương nhất định (hoặc giữa các cư dân cùng vùng miền).  - Trong các văn bản khoa học, hành chính..., không sử dụng từ ngữ địa phương.  - Trong các tác phẩm văn học, từ ngữ địa phương có thể được dùng để tạo sắc thái địa phương cho sự việc, nhân vật hoặc dùng như một phương tiện tu từ. | | **Ý nghĩa** | Từ địa phương thể hiện tính đa dạng trong ngôn ngữ của một cộng đồng, thể hiện nét riêng của một cộng đồng ngôn ngữ |   **\* Bài tập vận dụng**  **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ học tập:**  **PHIẾU HỌC TẬP SỐ 2:** Từ tìm từ địa phương trong những câu dưới đây, cho biết các từ hoặc cụm từ( toàn dân tương ứng với những từ đó)  a) “Vườn râm dậy tiếng ve ngân  Bắp dây vàng hạt đầy sân nắng đào” (Tố Hữu)  b) “Canh cá tràu mẹ thường hay nấu khế  Khế trong vườn thêm một tí rau thơm”( Chế Lan Viên)  c) Lão khuyên nó hãy dằn lòng, bỏ đám này để dùi giắng lại ít lâu, xem có đám nào khác mà nhẹ tiền hơn sẽ liệu( Nam Cao).  d) Có thịt kho Tàu để ăn với dưa kiệu nhà kia, rồi cái hủ mắm tép dầm nắng sát hàng rào làm mình nhớ nhung chuối chát, khế chua cùng với gừng sắt mịn thì mâm mứt tắc đỏ au kia làm lịm chết một cách lim dim như tụi kiến.  ( Nguyễn Ngọc Tư)  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:**  - Học sinh đọc ngữ liệu văn bản.  - HS hoạt động cá nhân, cặp đôi, nhóm, thảo luận, thống nhất kết quả ghi vào phiếu bài tập.  - GV quan sát, hỗ trợ HS.  **Bước 3: Báo cáo thảo luận:**  - HS trình bày kết quả (cá nhân/đại diện nhóm).  **Bước 4: Đánh giá nhận xét:**  - HS khác theo dõi, đánh giá, nhận xét, bổ sung.  - GV quan sát, hỗ trợ, tư vấn; nhận xét, đánh giá kết quả làm việc của HS, chốt kiến thức, chuyển giao nhiệm vụ mới.  *a) Từ địa phương có trong câu thơ:* ***“bắp”***  *Từ toàn dân tương ứng :* ***“ ngô”***  *b) Từ địa phương có trong câu thơ:* ***“cá tràu”***  *Từ toàn dân tương ứng :* ***“ cá quả”***  *c) Từ địa phương có trong câu thơ:* ***“****dùi giắng* ***”***  *Từ toàn dân tương ứng :* ***“ tạm thời thế đã”***  *c) Từ địa phương có trong câu thơ:* ***“****hủ****”***  *Từ toàn dân tương ứng :* ***“ hũ”***  *Từ địa phương có trong câu thơ:* ***“****tắc* ***”***  *Từ toàn dân tương ứng :* ***“ quả quất”*** |

**HOẠT ĐỘNG 3: LUYỆN TẬP**

**a) Mục tiêu:** Học sinh vận dụng kiến thức đã học vào làm bài tập.

**b) Tổ chức thực hiện:**

|  |
| --- |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:**  - GV chuyển giao nhiệm vụ: Yêu cầu HS làm các BT trong SGK  **Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ:**  \* Học sinh trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**:**  - GV quan sát, lắng nghe.  - HS quan sát sách giáo khoa tìm câu trả lời.  **Bước 1: Báo cáo và thảo luận:**  - HS trình bày sản phẩm cá nhân  **Bước 4: Nhận xét, đánh giá**  **Bài 1**  **a) Từ địa phương**: “vô” ( vào)- phương ngữ Miền Trung (xứ Nghệ)  **Tác dụng:** Tạo sắc thái đặc trưng của địa phương( miền Trung, xứ Nghệ)  **b) Từ địa phương**: “ni” ( này), “xáo”( xới) phương ngữ Miền Trung  **Tác dụng:** Thể hiện ngôn ngữ quen thuộc, bình dị của người Miền Trung, cũng góp phần bộc lộ tính cách của nhân vật trữ tình.  **c) Từ địa phương**: “chừ” ( giờ)- phương ngữ Miền Trung (xứ Huế)  **+ Tác dụng:** Tạo sắc thái đặc trưng của địa phương, thể hiện niềm vui của những người con xứ Huế khi quê hương được giải phóng.  **d) Từ địa phương**: “chi” ( gì)- phương ngữ Miền Trung (xứ Huế)  **Tác dụng:** Tạo sắc thái đặc trưng của địa phương, thể hiện ngôn ngữ bình dị của người Huế  **e) Từ địa phương**: “má” ( mẹ), “tánh” ( tính) - phương ngữ Nam Bộ  **Tác dụng:** Tạo sắc thái đặc trưng của địa phương, cho nhân vật sự việc.  **Bài 2:**  a) **Giải nghĩa** “**giồng** ” có nghĩa là “trồng”  Nhận xét về việc sử dụng: câu văn sử dụng từ địa phương không phù hợp. Bởi vì đây là biên bản họp lớp- một văn bản thông tin mang tính chất hành chính, công cụ đòi hỏi tính chính xác, mẫu mực, chỉ nên sử dụng từ ngữ toàn dân.  b) **Giải nghĩa** “**giồng** ” có nghĩa là “**trồng”, “nhớn”** tương đương với “**lớn”**  Nhận xét về việc sử dụng: Các từ địa phương được sử dụng trong tác phẩm văn học, là lời nói thường ngày của mẹ và con, nên phù hợp và còn góp phần thể hiện tính chất cuộc trò chuyện cũng như mối quan hệ gần gũi, thân thiết của các nhân vật.  c) **Giải nghĩa** “**tía** ” có nghĩa là “bố”: “ăn ong”( đi lấy mật ong trong rừng)  Nhận xét về việc sử dụng: Các từ ngữ địa phương được sử dụng trong tác phẩm văn học có tác dụng tạo sắc thái địa phương (Nam Bộ) cho con người( người cha nuôi của bé An), sự việc (vào rừng lấy mật ong)  **d) Giải nghĩa** “**tui” có nghĩa là “tôi”**  Nhận xét về việc sử dụng: câu văn sử dụng từ địa phương không phù hợp. Bởi vì đây là biên bản họp lớp- một văn bản thông tin mang tính chất hành chính, công cụ đòi hỏi tính chính xác, mẫu mực, chỉ nên sử dụng từ ngữ toàn dân.  **Bài 3**  - Chỉ nên sử dụng từ địa phương trong phạm vi nhất định: những cuộc trò chuyện thân mật, gần gũi trong cuộc sống thường ngày của những người cùng địa phương (cùng hiểu và sử dụng từ ngữ địa phương) hoặc trong các tác phẩm văn học để tạo nên sắc thái địa phương cho nhân vật, sự việc. Do vậy, các trường hợp có thể sử dụng từ địa phương là:  b. Trò chuyện với những người thân trong gia đình  d. Nhắn tin cho một bạn thân  **- Các trường hợp cần tránh dùng từ địa phương là:**  a. Phát biểu ý kiến tại một đại hội của trường  c. Viết biên bản cuộc họp đầu năm của lớp  e. Thuyết minh về di tích văn hóa ở địa phương cho khách thăm quan |

**HOẠT ĐỘNG 4: VẬN DỤNG**

**a) Mục tiêu**: HS thực hiện bài tập

**b) Tổ chức thực hiện:**

**Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ học tập:** Phân biệt từ ngữ địa phương và biệt ngữ xã hội?

**Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:** HS suy nghĩ, hình thành và triển khai ý tưởng, tư duy độc lập…

**Bước 3: Báo cáo thảo luận:** GV gọi bất kì cá nhân nào trình bày kết quả.

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **So sánh** | **Từ ngữ địa phương** | **Biệt ngữ xã hội** |
| **Giống nhau** | **Có những quy tắc về phạm vi sử dụng:**  + Không sử dụng trong các văn bản khoa học, hành chính... đòi hỏi tính chính xác và mẫu mực.  + Trong các tác phẩm văn học, có thể được dùng để tạo sắc thái địa phương hoặc khắc họa cuộc sống của một nhóm người đặc biệt | |

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Khác nhau** | **Từ ngữ địa phương** | **Biệt ngữ xã hội** |
| **Nguồn gốc** | Do sự khác biệt giữa các địa phương, đặc điểm tự nhiên, đặc điểm tâm lý và phong tục tập quán của cư dân địa phương. | Được hình thành trên những quy ước chung của một nhóm người nào đó trong xã hội. |

**Bước 4: Kết luận, đánh giá.**

**\* Phụ lục:**

Rubic đánh giá hoạt động thảo luận nhóm

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **TIÊU CHÍ** | **CẦN CỐ GẮNG**  **(0 – 4 điểm)** | **TỐT**  **(5 – 7 điểm)** | **XUẤT SẮC**  **(8 – 10 điểm)** |
| **Hình thức**  **(2 điểm)** | **0 điểm**  Bài làm còn sơ sài, trình bày cẩu thả  Sai lỗi chính tả | **1 điểm**  Bài làm tương đối đẩy đủ, chỉn chu  Trình bày cẩn thận  Không có lỗi chính tả | **2 điểm**  Bài làm tương đối đẩy đủ, chỉn chu  Trình bày cẩn thận  Không có lỗi chính tả  Có sự sáng tạo |
| **Nội dung**  **(6 điểm)** | **1 - 3 điểm**  Chưa trả lơi đúng câu hỏi trọng tâm  Không trả lời đủ hết các câu hỏi gợi dẫn  Nội dung sơ sài mới dừng lại ở mức độ biết và nhận diện | **4 – 5 điểm**  Trả lời tương đối đầy đủ các câu hỏi gợi dẫn  Trả lời đúng trọng tâm  Có ít nhất 1 – 2 ý mở rộng nâng cao | **6 điểm**  Trả lời tương đối đầy đủ các câu hỏi gợi dẫn  Trả lời đúng trọng tâm  Có nhiều hơn 2 ý mở rộng nâng cao  Có sự sáng tạo |
| **Hiệu quả nhóm**  **(2 điểm)** | **0 điểm**  Các thành viên chưa gắn kết chặt chẽ  Vẫn còn trên 2 thành viên không tham gia hoạt động | **1 điểm**  Hoạt động tương đối gắn kết, có tranh luận nhưng vẫn đi đến thông nhát  Vẫn còn 1 thành viên không tham gia hoạt động | **2 điểm**  Hoạt động gắn kết  Có sự đồng thuận và nhiều ý tưởng khác biệt, sáng tạo  Toàn bộ thành viên đều tham gia hoạt động |
| **Điểm** |  |  |  |
| **TỔNG** |  | | |

***Ngày soạn: 11/9/2023***

**Tiết 8: VĂN BẢN 3. TA ĐI TỚI (TỐ HỮU)**

**A. MỤC TIÊU:**

***-*** Năng lực tự chủ và tự học: Tìm kiếm thông tin, đọc sách giáo khoa, quan sát tranh ảnh để tìm hiểu về bài học.

- Năng lực giao tiếp và hợp tác: Thảo luận nhóm để thực hiện phiếu học tập, hợp tác giải quyết vấn đề để tìm hiểu về bài học.

+ Nhận biết và nhận xét được nét độc đáo của bài thơ qua thể thơ, cách gieo vần, cách ngắt nhịp.

+ Nhận biết và nhận xét được những đặc sắc về nội dung của bài thơ thể hiện qua từ ngữ, hình ảnh, các biện pháp tu từ. Đồng thời xác định được tình cảm, cảm xúc của người viết thể hiện qua ngôn ngữ thơ.

+ Xác định được đề tài chủ đề của bài thơ.

+ Nhận biết được kết nối về nội dung của văn bản thơ với chủ đề “ Câu chuyện của lịch sử” ở bài 1

- Trân trọng, tự hào và biết ơn những hy sinh của thế hệ cha anh đi trước trong công cuộc bảo vệ độc lập dân tộc. Có ý thức tìm hiểu và trau dồi kiến thức lịch sử của dân tộc. Yêu nước, có tình thần trách nhiệm với đất nước.

- Thích đọc sách, báo, tìm tư liệu trên mạng Internet để mở rộng hiểu biết.

**B. THIẾT BỊ VÀ HỌC LIỆU:**

- SGK, SGV; một số video, tranh ảnh liên quan đến nội dung bài học.

- Máy tính, ti vi; phiếu học tập

**C. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC:**

**Hoạt động 1: Khởi động**

**a) Mục tiêu**: Tạo tâm thế và định hướng chú ý cho học sinh; tạo vấn đề vào chủ đề

**b) Tổ chức hoạt động:**

**Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:** **Theo dấu chân người lính**

Mỗi hình ảnh và thông tin dưới đây là một chiến dịch được quân và dân ta thực hiện trong cuộc kháng chiến chống Pháp. Hãy quan sát hình ảnh, theo dõi các thông tin và cho biết đó là chiến dịch lịch sử nào?

**Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:** HS trả lời

**Bước 3: Báo cáo thảo luận:** HS trình bày kết quả

**Bước 1: Đánh giá nhận xét:**  Như vậy, chúng ta nhìn thấy đi qua theo bước chân của người lính anh hùng chúng ta đã đi qua những chiến dịch rất là gian khổ, ác liệt nhưng đồng thời cũng là những chiến thắng rất đỗi hào hùng để rồi đi đến ngày chiến thắng non sông đã giành được độc lập tự sau xuốt bao nhiêu tháng năm sống trong ách nô lệ lầm than và cũng như một bản tổng kết toàn bộ cuộc kháng chiến chống Pháp dài lâu, gian khổ trường kỳ nhưng cuối cùng đã nhất định thắng lợi và thắng lợi vẻ vang. Nhà thơ Tố Hữu cũng đã có một bản tổng kết bằng thơ một bài thơ rất hay và đầy xúc động bài thơ có tên “**TA ĐI TỚI“.** Lúc này chúng ta sẽ đi tổng kết những trang hào hùng của cuộc kháng chiến chống Pháp nhưng không phải bằng những hình ảnh, không phải bằng những sự kiện mà bằng những câu thơ, những vần thơ chứa chan cảm xúc..

**Hoạt động 2: Hình thành kiến thức mới**

**a. Mục tiêu**: HS nắm được những vấn đề cơ bản về tác giả, văn bản.

**b. Tổ chức thực hiện**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Bước 1:** Chuyển giao nhiệm vụ học tập  - GV chuyển giao nhiệm vụ: GV sử dụng kĩ thuật tia chớp kết hợp với phiếu học tập các câu hỏi gợi mở để tìm hiểu chung về văn bản  Yêu cầu đọc:  Bài thơ tương đối dài, cảm xúc của nhà thơ có sự thay đổi giữa các phần. Vì vậy cần đọc thầm trước-> đọc thành tiếng ->đọc diễn cảm bài thơ  **Giọng chủ đạo:** vui tươi, say sưa, náo nức  **PHIẾU HỌC TẬP SỐ 1: TÌM HIỂU CHUNG**   |  |  | | --- | --- | | Văn bản: ….. | | | Tác giả |  | | Thể thơ |  | | Gieo vần |  | | Ngắt nhịp |  | | PTBĐ chính |  | | Bố cục |  |      * HS tiếp nhận nhiệm vụ.   **Bước 2:**  **Thực hiện nhiệm vụ**  - GV quan sát lắng nghe  - HS quan sách giáo khoa tìm câu trả lời.  **Bước :**  **Báo cáo và thảo luận:**  - HS trình bày sản phẩm cá nhân  - GV gọi HS nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  \* Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ.  - GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức.  **Chú thích:**  **Sông Lô:** phụ lưu tả ngạn của sông Hồng, chạy từ Trung Quốc sang các tỉnh Hà Giang,Tuyên Quang, Phú Thọ, Vĩnh Phúc của nước ta.  **Bình Ca:** bến nước Bình Ca, thuộc thôn Bình Ca, xã Vĩnh Lợi huyện Sơn Dương tỉnh Tuyên Quang đây là nơi diễn ra chiến thắng Bình Ca lịch sử năm 1947.  **Sông Thao:** đoạn sông Hồng tính từ biên giới Việt Trung cho tới trước khi hợp lưu với Sông Đà, bao gồm phần chảy qua các tỉnh Lào Cai, Yên Bái, Phú Thọ.  **Khu bốn:** khu vực thuộc Bắc Trung bộ, tương đương các tỉnh Thanh Hóa, Nghệ An, Hà Tĩnh, Quảng Bình, Quảng Trị, Thừa Thiên Huế.  **Bưng biền** vùng đầm lầy ngập nước ở miền Tây Nam Bộ, thường được dùng làm căn cứ trong thời kỳ kháng chiến chống thực dân Pháp và đế quốc Mỹ.  **Nam- Ngãi, Bình- Phú:** chỉ các tỉnh Quảng , Quảng Ngãi, Bình Định, Phú Yên  **Bước 4: Nhận xét, đánh giá**  ***1. Tác giả:***  *Nhà thơ Tố Hữu(1920-2002) là lá cờ đầu của nền thơ ca cách mạng Việt Nam. Hành trình thơ của Tố Hữu song hành với hành trình cách mạng và theo sát những sự kiện cách mạng lớn của dân tộc.*  *Một số tập thơ tiêu biểu Từ ấy (1946), Việt Bắc (1954) Gió lộng(1961), Ra trận(1971) Máu và hoa( 1971), Một tiếng đờn( 1992), Ta với ta (2000)*  ***2. Văn bản:***  ***- Xuất xứ:*** *trích trong tập thơ Việt Bắc.*  *- Hoàn cảnh sáng tác gắn với bối cảnh lịch sử năm 1954* ***cuộc kháng chiến chống Pháp kết thúc thắng lợi,*** *miền Bắc hoàn toàn giải phóng, đi lên xây dựng chủ nghĩa xã hội, miền Nam tiếp tục công cuộc đấu tranh đến để thống nhất đất nước. Trong không khí vui tươi, phấn chấn đó, nhà thơ* ***vừa ca ngợi những chiến thắng*** *lừng lẫy của cuộc kháng chiến trong chặng đường đã qua, vừa thể hiện* ***những suy nghĩ sâu sắc về chặng đường sắp tới*** *của dân tộc.*  *- Thể thơ: tự do*  *- Gieo vần: Bài thơ gieo vần chân, kết hợp giữa vần liền và vần cách*  *- Ngắt nhịp: thay đổi linh hoạt nhưng giọng chủ đạo chi phối toàn bộ bài thơ là chất giọng vui tươi, phấn chấn.*  ***Nhận xét chung về đặc điểm hình thức của bài thơ:*** *những đặc điểm về thể thơ, vần và nhịp thơ cho phép nhà thơ thể hiện cảm xúc một cách tự do, tự nhiên, đồng thời phù hợp với mạch cảm xúc từ vui tươi, phấn chấn-> suy tư của bài thơ*  *- PTBĐ chính: Biểu cảm*  *- Bố cục:*  ***Phần 1:*** *“Ta đi giữa ban ngày”.....”Tiếng các em thánh thót quanh làng”: Niềm vui sướng tự hào khi đất nước giành được độc lập tự do và suy ngẩm về chặng đường kháng chiến vừa qua.*  ***Phần 2: Còn lại:*** *Ước mong thống nhất đất nước và suy nghĩ cho chặng đường sắp tới của dân tộc* |

**Hoạt động 2: Khám phá chi tiết văn bản.**

**a, Mục tiêu**: HS tìm hiểu nội dung phần 1

**b) Tổ chức thực hiện:**

|  |
| --- |
| **Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập**  - GV chia lớp thành 3 nhóm, yêu cầu các nhóm thảo luận và hoàn thành phiếu học tập  - HS tiếp nhận nhiệm vụ.  **Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập**  - Các nhóm thảo luận, điền vào phiếu học tập.  **Bước 3: Báo cáo và thảo luận hoạt động và thảo luận**  - GV mời đại diện các nhóm dán phiếu học tập lên bảng.  **Bước 4: Đánh giá nhậ định**  - GV nhận xét, đánh giá, chốt kiến thức Ghi lên bảng.  ***1. Bối cảnh lịch sử và nguồn cảm hứng được gợi lên trong bài thơ***  *- Không gian: rộng được tác giả nhắc nhiều qua các địa danh trên khắp mọi miền tổ quốc.*  *Thời gian: ban ngày*  *Thời điểm: tháng 8 năm 1954 cuộc cách mạng kháng chiến chống thực dân Pháp đến thắng lợi.*  *=> Bài thơ Ta đi tới ca ngợi chiến thắng, vừa gợi suy nghĩ về đoạn đường sắp tới. Bài thơ chứa đựng những cảm xúc thời đại, và có tính biểu tượng cao.*  **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:**  **PHIẾU HỌC TẬP SỐ 2:**  **Thảo luận nhóm bàn ( 5p)**  **Câu 1:**  Xác định hình ảnh trung tâm của văn bản thơ, hãy chỉ ra ý nghĩa của hình ảnh đó.  **Câu 2:**  Khung cảnh đất nước ngày độc lập được tác giả gợi lên qua những hình ảnh thơ nào?( qua các địa danh, qua hình ảnh đẹp của cách mạng, qua khung cảnh quê hương sau chiến tranh).  **Câu 3:**  Nhìn lại chặng đường kháng chiến, nhà thơ đã bộc lộ cảm xúc gì? Cảm xúc này được bộc lộ qua những yếu tố nào? Cuộc kháng chiến đã qua hiện lên như thế nào trong hình dung của nhà thơ?  - GV chuyển giao nhiệm vụ.  **Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ:** Chú ý vào văn bản.  \* Học sinh trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ:  - GV quan sát, lắng nghe.  - HS quan sát sách giáo khoa tìm câu trả lời.  **Bước 3: Báo cáo và thảo luận:**  - HS trình bày sản phẩm cá nhân  - GV gọi HS nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Bước 4: Đánh giá nhậ định.**  - GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức.  **Câu 1:** Hình ảnh trung tâm của bài thơ là hình ảnh “con đường”  Dấu hiệu: điệp ngữ “đường” kết hợp với phép liệt kê: đường cái, đường ta, đường Bắc Sơn, đường qua Tây Bắc, đường lên Điện Biên, đường cách mạng, đường dài kháng chiến, đường xuôi về biển. đường về lại thủ đô, đường tự do cuồn cuộn. ..  Hình ảnh con đường có mối liên hệ chặt chẽ với hai hình ảnh khác là hình ảnh “đất nước” và “ta”  **Ý nghĩa của hình ảnh “con đường”:**  + Gợi hình ảnh **những con đường dọc ngang đất nước,** nối liền núi sông rừng biển, gắn kết miền ngược- miền xuôi, mở ra rộng dài đất nước. Con đường từ đông sang tây, từ Bắc vào Nam, tiến về thủ đô Hà Nội trong ngày giải phóng.  + Gợi hình ảnh **con đường cách mạng, con đường kháng chiến** của cả dân tộc đã đi qua. Con đường ấy đầy gập gềnh, gian khổ, hy sinh nhưng nay đã thu được thành quả ngọt ngào. Kháng chiến thành công, ta về lại thủ đô, dành lại giang sơn gấm vóc. Con đường ấy “rộng thênh thang tám thước”, “ tinh khôi màu đất đỏ tươi” gợi ra tiền đồ rộng mở, đầy hứa hẹn cho đất nước  **Câu 2:** Hình ảnh đất nước hiện lên trong các văn bản qua các địa danh trên mọi miền quê xứ sở:  Bắc Sơn, Đình Cả, Thái Nguyên, Tây Bắc, Điện Biên, Sông Lô, bến nước Bình Ca, Phú Thọ, Trung Hà, Hưng Hóa, khu Ba, khu Bốn, Sông Thao,...  Các địa danh gợi ra hình ảnh **đất nước mênh mông, rộng lớn, to đẹp, huy hoàng**. Tổ quốc “đẹp vô cùng” với những rừng cọ, đồi chè, đồng xanh ngào ngạt hương thơm; với dòng sông nắng chói , bến nước rạt rào.  Các địa danh cũng gắn liền với **những chiến thắng lẫy lừng trong cuộc kháng chiến chống Pháp,** gợi lại bao kỉ niệm của một thời gian khổ mà nghĩa tình từ những phong trào tiền khởi nghĩa (Bắc Sơn) đến căn cứ cách mạng (Thái Nguyên) rồi những chiến thắng (sông Lô, bến Bình Ca) và đỉnh cao là chiến thắng Điện Biên Phủ,kết thúc cuộc kháng chiến.  Hình ảnh “đất nước” gắn liền với hình ảnh đẹp đẽ của cách mạng, kháng chiến, của lãnh tụ Hồ Chí Minh: “ cờ đỏ bay quanh tóc bạc Bác Hồ”   * đó là hình ảnh đất nước đã hồi sinh, đổi thịt thay da, đẹp tươi, rạng rỡ bước vào thời kỳ độc lập, tự do.   **Khung cảnh quê hương sau chiến tranh**  **+ Bầu trời mùa thu:** xanh thắm, trong sáng tuyệt trần.  + Hình ảnh “**tháng tám mùa thu”** không chỉ tả trời thu nay 8/1954 mà còn gợi thời điểm mùa thu cách mạng năm 1945, để từ đó như nhân đôi niềm vui độc lập và cho thấy được cả quá trình kháng chiến gian khổ dài lâu của cả dân tộc ta.  + Những **“hắc ám”** tối tăm của những năm tháng nô lệ lầm than đã qua, bầu trời trong sáng, thắm xanh gợi niềm vui ngày hòa bình độc lập; niềm tin vào một tương lai tươi sáng cho toàn dân tộc.  + Biện pháp liệt kê: mẹ già vui trở lại, tre đã mọc lại, chuối đã xanh chồi, trâu được ra bãi ra đồi, tiếng hát vang trên cánh đồng quê hương, trường mới được dựng lên, đứng giữa đồi quang và tiếng hát em thơ thánh thít quanh làng =>gợi tả khung cảnh làng quê thanh bình yên ả, nhịp sống thường ngày đã trở lại.   * Làng quê đã hồi sinh sau chiến tranh, con người và sự vật lại tràn đầy sức sống   **Khung** cảnh quê hương hồi sinh sau chiến tranh  Dấu ấn của kẻ thù: “bốtt đồn Tây đã cuốn sạch rồi”, “giặc chạy rồi”, “chúng nó chẳng còn mong giội lửa”=> những dấu ấn của kẻ thù, của đau thương tàn phế đã không còn.   * Cùng sự hồi sinh của đất nước, là sự hồi sinh của làng quê, của biết bao kiếp người( từ mẹ già tới em thơ ) được sung sướng, được tự do   **Câu 3:** Cảm xúc và suy ngẫm của nhà thơ  **Ta** đi giữa ban ngày  Trên đường cái, ung dung **ta** bước.  Đường **ta** rộng thênh thang tám thước  ...Đẹp vô cùng, Tổ quốc **ta** ơi!  ...Đường **ta** đó, tự do cuồn cuộn  ...Mây của **ta**, trời thắm của **ta**  ...Trên đường **ta** về lại Thủ đô  ...Tre làng **ta** lại mọc  Chuối vườn **ta** xanh chồi  Trâu **ta** ra bãi ra đồi  Đồng **ta** lại hát hơn mười năm xưa...  **Đại từ xưng hô “ta”**  + Là cái tôi riêng của cá nhân nhà thơ: ta đi, ta bước=> tình cảm cá nhân hòa trong cảm xúc chung của cả dân tộc trong ngày đất nước độc lập, tự do.  + Là cái “ta” chung của mọi người: đừơng ta, tổ quốc ta, mây của ta, trời thắm của ta, làng ta, trâu ta, đồng ta,...  => Các danh từ chỉ sự vật đi kèm với đại từ “ta” vừa gợi lên sự **gần gũi, thân thuộc, vừa thể hiện niềm tự hào khi làm chủ thiên nhiên**( mây, trời của ta), làm chủ quê hương (làng ta, tổ quốc ta), làm chủ cuộc sống của mình( vườn ta, trâu ta, đồng ta)  **Ai qua** Phú Thọ  **Ai xuôi** Trung Hà  **Ai về** Hưng Hoá  **Ai xuống** khu Ba  **Ai vào** khu Bốn  ....................  **Ai về** Hà Nội thì xuôi cùng thuyền.  Đại từ phiếm chỉ “ai” gắn liền với các động từ “qua, xuôi, về, xuống, vào” cùng các địa danh từ Bắc chí Nam muốn gợi lên hình ảnh của nhân dân những con người đã giành lại được tự do, giành lại quyền làm chủ quê hương và cuộc đời mình.  =>Những con người ấy náo nức niềm vui, ngược xuôi khắp miền đất nước để chứng kiến non sông đẹp đẽ đã về ta.  **Ta** đi giữa ban ngày  Trên đường cái, **ung dung** **ta** bước.  **Ngẩng đầu lên:** trong sáng tuyệt trần  Hành động tư thế: “đi giữa ban ngày”, “ ung dung ta bước”, “ngẩng đầu lên” gợi lên tư thế đường hoàng, ngẩng cao đầu kiêu hãnh, phong thái ung dung, tự tin của những người làm chủ.  => **Niềm vui, niềm tự hào trào dâng** trong khoảnh khắc giản dị mà quý giá vô ngần, cái tư thế kiêu hãnh, ung dung phải đánh đổi bằng bao máu xương, bao hi sinh to lớn của cả dân tộc.  Ờ đã chín năm rồi đấy nhỉ!  Kháng chiến ba ngàn ngày không nghỉ  Bắp chân, đầu gối vẫn săn gân.  .........................................  Hôm nay ngày đẹp lắm!  Mây của ta, trời thắm của ta  Nước Việt Nam Dân chủ cộng hoà!  .....................................................  Cờ đỏ bay quanh tóc bạc Bác Hồ!  - SUY NGẪM VỀ KHÁNG CHIẾN ĐÃ QUA  + Thời gian: **chín năm, ba nghìn ngày không nghỉ .**  + Cuộc kháng chiến trường kỳ, gian khổ  + Con người (dân tộc) hình ảnh hoán dụ: **“Bắp chân, đầu gối vẫn săn gân.”**  => sự bền bỉ, dẻo dai, ý chí kiên cường của con người trên đường cách mạng, vẫn sẵn sàng cho thời kỳ mới.  + Thành quả kháng chiến: hàng loạt câu cảm thán: “**Hôm nay ngày đẹp lắm! Cờ đỏ bay quanh tóc bạc Bác Hồ!, Nước Việt Nam Dân chủ cộng hoà!”**  => Vừa thể hiện niềm vui sướng, tự hào trước thành quả vĩ đại của kháng chíến vừa cho thấy lòng biết ơn với lãnh tụ vĩ đại của dân tộc.  - Niềm sung sướng khi đất nước, quê hương đã thay da đổi thịt.  + Câu cảm thán **“Đẹp vô cùng, Tổ quốc ta ơi!”**  => tiếng thốt lên đầy xúc cảm, vừa vui sướng, trìu mến thiết tha vừa tự hào vô hạn trước hình ảnh Tổ quốc đẹp tươi, rộng lớn, vừa gần gũi vừa thiêng liêng vô cùng.  + Những lời trò chuyện tâm tình **“ Mẹ ơi”, “Các em ơi”**: đầy yêu thương, trìu mến, như muốn loan báo tin vui, lan tỏa niềm vui khi quê hương đã sạch bóng quân thù, cuộc đời tươi sáng, ấm no, tự do đã đến.  + Niềm xúc động trào dâng, niềm vui sướng ngập tràn hình ảnh quê hương được giải phóng, bao kiếp người được hồi sinh.  + Niềm tự hào cùng niềm tin bất diệt vào tương lai tươi sáng của đất nước.  **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:**  **- GV chuyển giao nhiệm vụ:**  **PHIẾU HỌC TẬP SỐ 3:** Trong phần hai của văn bản, tác giả đã sử dụng những biện pháp tu từ nào? Chỉ ra tác dụng của chúng. Từ đó em hãy cho biết nhà thơ đã trình bày bày tỏ suy nghĩ gì chặng đường sắp tới của dân tộc ta?  **Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ:** Chú ý vào văn bản.  - GV quan sát lắng nghe  - HS quan sách giáo khoa tìm câu trả lời.  **-** GV quan sát, lắng nghe.  - HS quan sát sách giáo khoa tìm câu trả lời.  **Bước 3: Báo cáo và thảo luận:**  - HS trình bày sản phẩm cá nhân- GV gọi HS nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Dự kiến sp:**  **\*** ĐẶC ĐIỂM HÌNH THỨC  Cấu trúc **điệp ngữ**: “Ai đi, ai vô, ai về, ai lên” kết hợp với **biện pháp liệt kê**  **Hàng loạt các địa danh đã được nhắc đến**  **+ Nam Bộ**( Tiền Giang, Hậu Giang, Thành Phố Hồ Chí Minh, Đồng Tháp)  **+ Nam Trung Bộ**( Nam- Ngãi, Bình- Phú, Khánh Hòa, Phan Rang, Phan Thiết)  + Cho đến **Tây Nguyên**( Công Tum, Đắc Lắc)  \*ĐẶC ĐIỂM NỘI DUNG  => mỗi địa danh vang lên đều đẹp đẽ (rực rỡ tên vàng), đều gần gũi thân thương như một phần máu thịt không thể cắt chia (nơi chôn rau cắt rốn, khúc ruột miền Trung, quê hương ta tha thiết)  **+ Nam Bộ**( Tiền Giang, Hậu Giang, Thành Phố Hồ Chí Minh, Đồng Tháp)  **+ Nam Trung Bộ**( Nam- Ngãi, Bình- Phú, Khánh Hòa, Phan Rang, Phan Thiết)  + Cho đến **Tây Nguyên**( Công Tum, Đắc Lắc)  **\* Suy nghĩ về chặng đường sắp tới của dân tộc**  + Tổ quốc vẫn chưa được hoàn toàn giải phóng, đất nước chưa được thống nhất.  + Đoạn thơ như lời nhắn nhủ với đồng chí đồng bào, nói lên ước vọng tha thiết muốn trở về quê hương, mong ngày đất nước thống nhất, non sông liền một giải. Đó vừa là nhiệm vụ vừa là khát vọng của cả dân tộc.  **Bước 4: Đánh giá nhận xét.**  - GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức.  **Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ**  HS tiếp nhận thực hiện nhiệm vụ.  *GV yêu cầu HS làm việc cá nhân thực hiện yêu cầu sau: Em hãy khái quát đề tài chủ đề của bài thơ*  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:**- GV quan sát, lắng nghe.  - HS quan sát sách giáo khoa tìm câu trả lời.  **Bước 3: Báo cáo và thảo luận:**  - HS trình bày sản phẩm cá nhân- GV gọi HS nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Bước 4: Đánh giá nhận xét**  - GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức  **Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập**  - GV yêu cầu HS làm việc theo cặp, trả lời câu hỏi:  **Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập**  - HS thảo luận theo cặp, suy nghĩ để trả lời.  **Bước 3: Báo cáo và thảo luận**  - GV mời một số HS trình bày trước lớp, yêu cầu cả lớp nghe, nhận xét, bổ sung.  **Bước 4: Đánh giá nhận xét**  - GV nhận xét, đánh giá, chốt kiến thức.  **3. Tìm hiểu nội dung phần 2**  **\*** ĐẶC ĐIỂM HÌNH THỨC  Cấu trúc **điệp ngữ**: “Ai đi, ai vô, ai về, ai lên” kết hợp với **biện pháp liệt kê**  **Hàng loạt các địa danh đã được nhắc đến**  **+ Nam Bộ**( Tiền Giang, Hậu Giang, Thành Phố Hồ Chí Minh, Đồng Tháp)  **+ Nam Trung Bộ**( Nam- Ngãi, Bình- Phú, Khánh Hòa,  Phan Rang, Phan Thiết)  + Cho đến **Tây Nguyên**( Công Tum, Đắc Lắc)  \*ĐẶC ĐIỂM NỘI DUNG  => mỗi địa danh vang lên đều đẹp đẽ (rực rỡ tên vàng), đều gần gũi thân thương như một phần máu thịt không thể cắt chia (nơi chôn rau cắt rốn, khúc ruột miền Trung, quê hương ta tha thiết)  **+ Nam Bộ**( Tiền Giang, Hậu Giang, Thành Phố Hồ Chí Minh, Đồng Tháp)  **+ Nam Trung Bộ**( Nam- Ngãi, Bình- Phú, Khánh Hòa, Phan Rang, Phan Thiết)  + Cho đến **Tây Nguyên**( Công Tum, Đắc Lắc)  **\* Suy nghĩ về chặng đường sắp tới của dân tộc**  + Tổ quốc vẫn chưa được hoàn toàn giải phóng, đất nước chưa được thống nhất  + Đoạn thơ như lời nhắn nhủ với đồng chí đồng bào, nói lên ước vọng tha thiết muốn trở về quê hương, mong ngày đất nước thống nhất, non sông liền một giải. Đó vừa là nhiệm vụ vừa là khát vọng của cả dân tộc.  **3. Đề tài và chủ đề**  **Đề tài:**  + Cách mạng và kháng chiến  + Đất nước  + Tình yêu đất nước  **Chủ đề:** Bài thơ thể hiện niềm vui sướng, tự hào trước hình ảnh đất nước độc lập, tự do sau những năm tháng kháng chiến chống Pháp gian khổ, trường kỳ, đồng thời bộc lộ khát vọng thống nhất đất nước của nhà thơ và mỗi người dân Việt Nam.  **III/ TỔNG KẾT**  **1. Nghệ thuật**  - Thể thơ tự do, phương thức biểu đạt chính là biểu cảm.  - Sử dụng các biện pháp nghệ thuật như hoán dụ, nhân hóa “những bàn chân” nhằm nhấn mạnh sức mạnh, ý chí kiên cường, tinh thần bất khuất của đất nước Việt Nam, của dân tộc ta trong cuộc kháng chiến.  - So sánh (ta – rắn như thép, vững như đồng, cao như núi, dài như sông)  - Biện pháp nghệ thuật điệp cấu trúc “Ai…”, “Đường…”  **2. Nội dung**  Bài thơ Ta đi tới của Tố Hữu nói về ý chí kiên cường, bất khuất, sức mạnh của dân tộc ta trong cuộc kháng chiến. Qua đó, thể hiện sự tự hào trước những chiến công và niềm tin vào tương lai chiến thắng của dân tộc ta. |

**Hoạt động 3: Luyện tập**

**a) Mục tiêu:** Học sinh vận dụng kiến thức đã học vào giải bài tập

**b) Tổ chức thực hiện:**

|  |
| --- |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:** Ý nghĩa nhan đề bài thơ ?  - GV chuyển giao nhiệm vụ:  **Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ:**  \* Học sinh trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**:**  - GV quan sát, lắng nghe.  - HS quan sát sách giáo khoa tìm câu trả lời.  **Bước 3: Báo cáo và thảo luận:**  - HS trình bày sản phẩm cá nhân  - GV gọi HS nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Bước 4: Đánh giá, nhận định.**  - GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức.  ***Ý nghĩa nhan đề bài thơ***  *+ Nhan đề ngắn gọn, hàm súc mà chứa đựng cảm xúc chủ đạo của bài thơ*  *+ Nhan đề gợi* ***hình ảnh của một con người****, một dân tộc đi ra khỏi những tháng năm nô lệ lầm than, đang* ***hiên ngang kiêu hãnh bước trên con đường*** *đến tương lai.*  *+ Nhan đề* ***gợi ra cảm xúc****:* ***niềm vui sướng****,* ***tự hào****, cả một* ***niềm tin*** *mãnh liệt vào tương lai tươi sáng của cách mạng và đất nước.* |

**Hoạt động 4: Vận dụng**

**a) Mục tiêu**: Giúp HS khắc sâu kiến thức đã học.

b**) Tổ chức thực hiện:**

**Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:**  Hãy chỉ ra sự kết nối về nội dung của văn bản thơ với chủ đề **“Câu chuyện của lịch sử”** ở bài 1

+ Văn bản “Lá cờ thêu sáu chữ vàng” đã tái hiện hào khí Đông A vang dội của lịch sử nhà Trần trong giai đoạn kháng chiến chống quân Nguyên Mông.

+ Trích đoạn “Quang Trung đại phá quân Thanh” khắc họa hình ảnh người anh hùng dân tộc Quang Trung anh dũng lẫm liệt trong cuộc kháng chiến chống quân Thanh xâm lược.

+ Đoạn trích “Ta đi tới” đã tái hiện một giai đoạn lịch sử đầy máu lửa, đau thương nhưng cũng rất đỗi tự hào của dân tộc ta- thời kỳ kháng chiến chống Pháp- nhưng dưới hình thức một bài thơ tự do

Mỗi văn bản bằng hình thức đặc trưng của thể loại, đã thể hiện một cách đầy tự hào truyền thống dựng nước, giữ nước của cha ông ta. Để qua đó, thế hệ trẻ ngày hôm nay thêm trân trọng, biết ơn và ý thức được trách nhiệm của mình với non sông đất nước

**-** GV chuyển giao nhiệm vụ**:**

**Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ:**

Học sinh trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ:

- GV quan sát, lắng nghe.

- HS quan sát sách giáo khoa tìm câu trả lời.

**Bước 1: Báo cáo và thảo luận:**

- HS trình bày sản phẩm cá nhân

- GV gọi HS nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.

**Bước 4: Đánh giá nhận định.**

- GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức.

**\* Phụ lục:**

Rubic đánh giá hoạt động thảo luận nhóm

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **TIÊU CHÍ** | **CẦN CỐ GẮNG**  **(0 – 4 điểm)** | **TỐT**  **(5 – 7 điểm)** | **XUẤT SẮC**  **(8 – 10 điểm)** |
| **Hình thức**  **(2 điểm)** | **0 điểm**  Bài làm còn sơ sài, trình bày cẩu thả  Sai lỗi chính tả | **1 điểm**  Bài làm tương đối đẩy đủ, chỉn chu  Trình bày cẩn thận  Không có lỗi chính tả | **2 điểm**  Bài làm tương đối đẩy đủ, chỉn chu  Trình bày cẩn thận  Không có lỗi chính tả  Có sự sáng tạo |
| **Nội dung**  **(6 điểm)** | **1 - 3 điểm**  Chưa trả lơi đúng câu hỏi trọng tâm  Không trả lời đủ hết các câu hỏi gợi dẫn  Nội dung sơ sài mới dừng lại ở mức độ biết và nhận diện | **4 – 5 điểm**  Trả lời tương đối đầy đủ các câu hỏi gợi dẫn  Trả lời đúng trọng tâm  Có ít nhất 1 – 2 ý mở rộng nâng cao | **6 điểm**  Trả lời tương đối đầy đủ các câu hỏi gợi dẫn  Trả lời đúng trọng tâm  Có nhiều hơn 2 ý mở rộng nâng cao  Có sự sáng tạo |
| **Hiệu quả nhóm**  **(2 điểm)** | **0 điểm**  Các thành viên chưa gắn kết chặt chẽ  Vẫn còn trên 2 thành viên không tham gia hoạt động | **1 điểm**  Hoạt động tương đối gắn kết, có tranh luận nhưng vẫn đi đến thông nhát  Vẫn còn 1 thành viên không tham gia hoạt động | **2 điểm**  Hoạt động gắn kết  Có sự đồng thuận và nhiều ý tưởng khác biệt, sáng tạo  Toàn bộ thành viên đều tham gia hoạt động |
| **Điểm** |  |  |  |
| **TỔNG** |  | | |